

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 09-4-2021

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị L chung sống vợ chồng năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, chị L sống không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đó chị L bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của con nên thời gian qua anh luôn nhường nhịn chị L trong cuộc sống và khuyên chị L trở về để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng chị L không chịu về, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện tại hai cháu đang sống với anh nên anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: 08 chỉ vàng 24K, 30.000.000 đồng tiền mặt và tiền hụi sống 40.000.000 đồng. Ly hôn anh yêu cầu chia đôi tài sản chung là 08 chỉ vàng 24K, 30.000.000 đồng tiền mặt. Anh rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi sống 40.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị với anh T chung sống vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C vào ngày 18/8/2014. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2020. Chính vì vậy, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện tại hai cháu đang sống với anh T. Tuy nhiên, anh T không có công việc ổn định, không đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu H và N nên chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung: Có 08 chỉ vàng 24K và 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống với anh T, anh T không lo làm ăn nên không có tiền nuôi con, vì vậy chị đã bán hết số vàng trên và sử dụng hết vào việc chăm sóc hai con chung. Còn số tiền 30.000.000 đồng, chị đã dùng vào việc đóng 6 lần hụi chết của dây hụi 2.000.000 đồng là 12.000.000 đồng, 02 lần hụi sống của dây hụi 5.000.000 đồng với số tiền 7.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng, nhưng chị đã nuôi con không còn. Do đó, chị không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của anh T.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đồng ý cho chị L bán 02 chỉ vàng 24K và thống nhất số tiền còn lại là 11.000.000 đồng. Không chấp nhận lời trình bày của chị L là vàng và tiền nuôi con không còn.*

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 33, 51, 55, 59, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chia cho chị Nguyễn Thị L 03 chỉ vàng 24K và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, hiện do chị L đang quản lý.

3.2. Buộc chị Nguyễn Thị L chia lại ngay cho anh Nguyễn Văn T 03 chỉ vàng 24K và 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với số tiền hội sống 40.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 26/01/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa anh T rút yêu cầu phân chia tài sản chung, đây là sự tự nguyện của anh T, được chị L chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo nuôi con chung của chị L,

xét điều kiện của chị L hiện nay đang ở nhà thuê, điều kiện không bằng anh T, hai con đang sống ổn định với anh T, đang đi học, do đó yêu cầu kháng cáo của chị L không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần án sơ thẩm về tài sản chung, giữ nguyên phần nuôi dưỡng con chung.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Chị L có hộ khẩu và cư trú tại Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 33 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn T.

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị L về việc giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L thống nhất thuận tình ly hôn.

Về vấn đề nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016: Xét về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu H và N, anh T và chị L đều có đủ điều kiện. Tuy nhiên, khi anh T và chị L ly hôn, cháu N và H chỉ phải sống với mẹ hoặc cha đã là sự thiệt thòi cho hai cháu, do đó giao cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo bù đắp được cho các cháu sự thiệt thòi.

Hai cháu H và N do anh T nuôi dưỡng từ khi chị L bỏ đi đến nay, các cháu đã được sinh sống ổn định bên anh T, cháu H cũng đã đi học ổn định tại trường học gần nhà. Mặt khác, theo Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con khi ly hôn, anh T có đủ điều kiện nuôi con. Trong khi đó, giai đoạn sơ thẩm,

chị L phải đi làm thuê và sống nhờ ở nhà của chị ruột tại Thành phố Hồ Chí Minh; trong giai đoạn phúc thẩm, chị L cung cấp xác nhận hiện nay chị L đang thuê nhà tại xã T, huyện B, tỉnh Long An để ở và mở quán cơm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị L trình bày thống nhất, trong quá trình anh T nuôi dưỡng, hai cháu có bệnh, khi hai cháu bệnh anh T có điện thoại báo cho chị L biết nhưng chị L không về thăm và chăm sóc, chỉ vì lý do đi làm và gia đình anh T ngăn cản. Trong lúc các cháu bệnh rất cần có mẹ bên cạnh, nhưng chị L không về, thể hiện chị L chưa thật sự quan tâm đến con, khi con bệnh thì không vì lý do gì khác để không về chăm con trong lúc ốm đau.

Xét thấy môi trường sống hiện nay của chị L chưa thật sự ổn định, còn sống nhà thuê, trong khi hai cháu H và N đang cần sự ổn định cuộc sống để học tập. Hai cháu H và N sống với anh T, các cháu được sống ổn định, có ông bà, sẽ tốt hơn cho hai cháu về phát triển tinh thần, thể chất và để đảm bảo không tách rời hai chị em H và N. Án sơ thẩm đã giao hai cháu H và N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4.2] Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung của chị L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng giữa anh T và chị L đối với yêu cầu chia 06 chỉ vàng 24k và số tiền 11.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu chia tài sản chung của anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội; chị L cũng chấp nhận việc rút yêu cầu này của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền hui sống 36.000.000 đồng hiện chưa hết, anh T và chị L thống nhất là tài sản chung của vợ chồng, hai bên tự thỏa thuận giải quyết, và tại cấp sơ thẩm anh T rút yêu cầu chia phần hui trên, nếu không thỏa thuận được có thể khởi kiện bằng vụ án khác, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[7] Do sửa án nên chị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 33, 51, 55, 59, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về yêu cầu nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 25/6/2014 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 06 chỉ vàng 24k và 11.000.000 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với số tiền hội sống 40.000.000 đồng.

5. Án phí:

5.1. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh T đã nộp 3.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0005954, 0005955 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vậy trả lại cho anh T 2.750.000 đồng.

5.2. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại chị L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006398 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền